

CÔNG TY TNHH CẤP THOÁT NƯỚC
TT BẢO LẠC

Số: 08 /TT - CBHQ

V/v Công bố hợp quy đối với sản phẩm
nước sạch sinh hoạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảo Lạc, ngày 16 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

Kính gửi: - Sở Y Tế Cao Bằng.

Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc kính trình Sở Y tế Cao Bằng hồ sơ công bố hợp quy về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Căn cứ pháp lý.

QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: Công ty TNHH HI- MEDIC - Trung tâm phân tích INVITEC (VALAS 139)

Đánh giá về kết quả thử nghiệm: Trên cơ sở kết quả phân tích số: MT 24110175-177 ngày 07/12/2024 và MT 25010180-182 ngày 22/02/2025 của Công ty TNHH HI- MEDIC - Trung tâm phân tích INVITEC cho thấy: Có 97 chỉ tiêu đều thấp hơn và nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (có phiếu kết quả kèm theo).

Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc kính trình Sở Y Tế, thẩm định hồ sơ công bố hợp quy, để Quý khách hàng yên tâm khi sử dụng sản phẩm nước sạch.

Nơi nhận: -Như trên,
-Lưu VP Công ty.

GIÁM ĐỐC



Nông Đặng Việt Bắc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 10/2025/CBHQ-CNBL

Tên tổ chức cá nhân: Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc

Địa chỉ: Xóm Nà Phạ, Thị Trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0974 608 118

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: Nước sạch sử dụng cho mục đích Sinh hoạt,

Xuất xứ: Nhà máy nước công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 01-1: 2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Thông tin bổ sung: Căn cứ đánh giá hợp quy theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, ngày 12/12/2012 Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017; Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018

Phương thức đánh giá sự phù hợp: Theo phương thức 1; thử nghiệm mẫu điển hình tại Điểm a, khoản 1, Điều 5 Thông tư 28/2012/BKHCN

Loại hình đánh giá: Công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc. Báo cáo tự đánh giá ngày 07/12/2024 và ngày 22/02/2025.

Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do công ty sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./.

Cao Bằng, ngày 28 tháng 02 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nông Đăng Việt Bắc

Số: 11 /CB-CNBL

Cao Bằng, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BẢN CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

Tên tổ chức cá nhân: Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc

Địa chỉ: Xóm Nà Phạ thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

Tên sản phẩm: Nước Sạch sử dụng cho mục đích Sinh hoạt

Điện thoại: 0974 608 118

Căn cứ QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Được ban hành kèm theo thông tư số 41:2018/TT-BYT, ngày 18/12/2018;

Căn cứ đánh giá hợp quy theo thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN, ngày 12/12/2012 Thông tư 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017;

Căn cứ công văn số 3936/KSBT-SKNN-YTTH-BNN, Ngày 14/12/2022 Về việc Hướng dẫn đối với hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch của các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn

Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc cam kết chất lượng nước sản xuất tại nhà máy như sau:

- Sản phẩm nước sinh hoạt của Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc sản xuất đảm bảo chất lượng theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Thực hiện đúng chế độ thử nghiệm định kỳ các thông số chất lượng nước sạch Nhóm A,B theo tần suất được quy định tại QCVN 01-1:2018/BYT
- Thực hiện đầy đủ Kế hoạch kiểm soát chất lượng hằng năm;
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của đơn vị cung cấp nước sạch theo quy định của pháp luật;

Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc xin cam kết chất lượng nước sản xuất ra đảm bảo chất lượng, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm./.

GIÁM ĐỐC



Nông Đặng Việt Bắc

Cao Bằng, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

Tên tổ chức cá nhân: Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc

Địa chỉ: Xóm Nà Phạ, Thị Trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng

Tên sản phẩm: Nước Sạch sử dụng cho mục đích Sinh hoạt

Địa điểm đánh giá: Nhà máy nước Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc

Ngày đánh giá: ngày 07/12/2024 và ngày 22/02/2025

Số hiệu tiêu chuẩn / quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm: Công ty TNHH HI- MEDIC - Trung tâm phân tích INVITEC (VALAS 139)

Đánh giá về kết quả thử nghiệm:

-Chỉ tiêu nhóm A-B: MT 24110175-177 ngày 07/12/2024 và MT 25010180-182 ngày 22/02/2025 của Công ty TNHH HI- MEDIC - Trung tâm phân tích INVITEC cho thấy: Có 97 (2 chỉ tiêu không xét nghiệm là, chỉ tiêu nước ngầm và chỉ tiêu nước biển) chỉ tiêu đều thấp hơn và nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

(có phiếu kết quả kèm theo).

Kết luận: Sản phẩm nước sinh hoạt của Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc phù hợp với QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Công ty TNHH cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc xin cam kết chất lượng sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn

chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm và kết quả tự đánh giá trên./.

**BỘ PHẬN ĐÁNH GIÁ
SẢN XUẤT NƯỚC**



Hoàng Hữu Cơ

**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO
GIÁM ĐỐC**



Nông Đặng Việt Bắc



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



VALAS 139

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT24110175-177

Tên khách hàng/Customer's name : Công ty TNHH Cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc
Địa chỉ/Address : xóm Nà Phạ, Thị trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s) : Nước sinh hoạt
MT24110175 - D1: Điểm đầu (từ nhà máy cấp nước)
MT24110176 - D2: Điểm giữa (hệ thống phân phối nước)
MT24110177 - D3: Điểm cuối (đơn vị sử dụng)
Mô tả mẫu/Sample description : Mẫu đựng trong can nhựa PE có nắp vặn. Thể tích: 3L/ mẫu;
Bảo quản điều kiện thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling : Công ty TNHH Cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving : 29/11/2024
Người lấy/gửi mẫu/Sampler : Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result :

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result		Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
		MT24110175	MT24110176			
1.	Amoni (NH ₄ ⁺)*	0,16	0,18	0,13	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
2.	Cadimi (Cd)*	<0,0005	<0,0005	<0,0005	0,001	SMEWW 3113B: 2017
3.	Chi (Pb)*	<0,005	<0,005	<0,005	0,005	SMEWW 3113B: 2017
4.	Chỉ số Pecmanganat	<1	<1	<1	2	TCVN 6186:1996

* Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result			Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
		MT24110175	MT24110176	MT24110177			
5.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	99,6	104,5	102,9	mg/L	300	TCVN 6224 - 1996
6.	Florua (F)*	<0,2	<0,2	<0,2	mg/L	0,2	SMEWW 4500F-.B&D:2017
7.	Kẽm (Zn)*	<0,02	<0,02	<0,02	mg/L	0,1	SMEWW 3111B:2017
8.	Mangan (Mn)*	<0,1	<0,1	<0,1	mg/L	0,1	SMEWW3111B:2017 SMEWW 3030E:2017
9.	Nhôm (Al)	0,015	0,025	0,022	mg/L	0,2	SMEWW 3113B: 2017
10.	Nitrate (NO ₃ ⁻ tính theo N)	<0,1	<0,1	<0,1	mg/L	2	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ E: 2017
11.	Nitrite (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	<0,025	<0,025	<0,025	mg/L	0,05	TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984)
12.	Sắt (Fe)*	<0,1	<0,1	<0,1	mg/L	0,3	SMEWW 3111B:2017
13.	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	7,06	8,01	7,66	mg/L	100	TCVN 6494-1:2011
14.	Tổng chất rắn hòa tan	62,4	63,2	104,0	mg/L	1000	SMEWW 2540C:2017
15.	Đồng (Cu)*	<0,03	<0,03	<0,03	mg/L	0,1	SMEWW 3111B:2017
16.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine*	<0,33	<0,33	<0,33	µg/L	100	TS-KT-SK-109:2020
17.	MCPA*	<0,33	<0,33	<0,33	µg/L	2	TS-KT-SK-109:2020

* Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
 The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result		Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
		MT24110175	MT24110176			
18.	Permethrin*	<0,07	<0,07	<0,07	20	TS-KT-SK-15:2020
19.	Chloroform*	<0,33	4,17	5,52	300	TS-KT-SK-192:2022 Ref. EPAMethod 5021, ISO 20595:2018
20.	Dichloroacetonitrile*	<0,3	<0,3	<0,3	20	TS-KT-SK-192:2022 Ref. EPAMethod 5021, ISO 20595:2018
21.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	0	0	0	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
22.	<i>Staphylococcus aureus</i> *	0	0	0	<1	SMEWW 9213B-6c: 2023

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2024

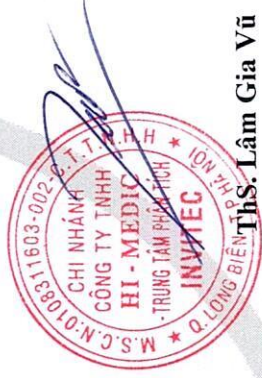
BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DEPUTY DIRECTOR OF CENTER

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường **ThS. Lương Thị Thu Hương**

ThS. Lâm Gia Vũ



- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
- The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25010180

Tên khách hàng/Customer's name : Công ty TNHH Cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc
Địa chỉ/Address : xóm Nà Phạ, Thị trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s) : T1-2025-Đ1
Mô tả mẫu/Sample description : Mẫu đựng trong can nhựa PE có nắp vặn. Thể tích 3L;
Bảo quản điều kiện thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling : Đ1: điểm đầu (hệ thống phân phối nước)
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving : 21/01/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler : Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result :

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1.	Clo dư tự do	<0,05	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500-C1:2017
2.	Độ đục*	1,47	NTU	2	TCVN 12402:2020
3.	Độ màu	<3	TCU	15	TCVN 6185C:2015
4.	Mùi; vị*	Không mùi, vị lạ	-	Không mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013
5.	pH*	6,93	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Antimon (Sb)	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3111B:2017
7.	Bari (Ba)	<0,02	mg/L	0,7	SMEWW 3113B: 2017
8.	Bor (tính chung cho cả Borat và Axit boric)*	<0,007	mg/L	0,3	TS-KT-QP-03:2021
9.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
10.	Natri (Na)	2,07	mg/L	200	SMEWW 3111B:2017
11.	Niken (Ni)*	<0,07	mg/L	0,07	SMEWW 3111B:2017
12.	Selen (Se)*	<0,0003	mg/L	0,01	TS-KT-QP-51:2022
13.	Sunfua*	<0,01	mg/L	0,05	EPA 376.2
14.	Thủy ngân (Hg)	<0,0002	mg/L	0,001	SMEWW3112B:2017
15.	Xyanua	<0,02	mg/L	0,05	SMEWW 4500 CN-E.2017
16.	1,1,1 -Trichloroetan*	<0,33	µg/L	2000	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
17.	1,2 - Dichloroetan*	<0,33	µg/L	30	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
18.	1,2 - Dichloroeten*	<0,67	µg/L	50	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
19.	Carbon tetrachlorua*	<0,07	µg/L	2	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
20.	Dichlorometan*	<3,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
21.	Tetrachloroeten*	<0,33	µg/L	40	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
22.	Trichloroeten*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
23.	Vinyl chlorua*	<0,07	µg/L	0,3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
24.	Benzen*	<0,33	µg/L	10	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
25.	Etylbenzen*	<0,33	µg/L	300	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
26.	Phenol và dẫn xuất phenol*	<0,33	µg/L	1	TS-KT-SK-113:2020
27.	Styren*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
28.	Toluen*	<0,33	µg/L	700	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
29.	Xylen*	<0,33	µg/L	500	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
30.	1,2 - Diclorobenzen*	<0,33	µg/L	1000	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
31.	Monoclorobenzen*	<0,33	µg/L	300	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
32.	Triclorobenzen*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

331160
CHI NH
ÔNG TY
II - M
TRUNG TÂM
INVI
NG BIÊN



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
33.	Acrylamide*	<0,1	µg/L	0,5	TS-KT-137:2021
34.	Epiclohydrin*	<0,07	µg/L	0,4	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
35.	Hexacloro butadien*	<0,03	µg/L	0,6	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
36.	1,2 - Dibromo-3- cloropropan*	<0,33	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
37.	1,2 - Dicloropropan*	<0,33	µg/L	40	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
38.	1,3 - Dicloropropen*	<1,67	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
39.	2,4-D*	<3,33	µg/L	30	TS-KT-SK-109:2020
40.	2,4 - DB*	<3,33	µg/L	90	TS-KT-SK-109:2020
41.	Alachlor*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
42.	Aldicarb*	<0,2	µg/L	10	TS-KT-SK-109:2020
43.	Carbofuran*	<0,2	µg/L	5	TS-KT-SK-109:2020
44.	Chlorpyrifos*	<0,07	µg/L	30	TS-KT-SK-15:2020
45.	Clordane*	<0,07	µg/L	0,2	TS-KT-SK-15:2020
46.	Clorotoluron*	<0,33	µg/L	30	TS-KT-SK-109:2020
47.	Cyanazine*	<0,1	µg/L	0,6	TS-KT-SK-137:2020
48.	DDT và các dẫn xuất*	<0,1	µg/L	1	TS-KT-SK-15:2020
49.	Dichlorprop*	<3	µg/L	100	TS-KT-SK-109:2020
50.	Fenoprop*	<0,33	µg/L	9	TS-KT-SK-109:2020
51.	Hydroxyatrazine*	<0,33	µg/L	200	TS-KT-SK-109:2020
52.	Isoproturon*	<0,33	µg/L	9	TS-KT-SK-109:2020
53.	Mecoprop*	<3,33	µg/L	10	TS-KT-SK-109:2020
54.	Methoxychlor*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
55.	Molinate*	<0,33	µg/L	6	TS-KT-SK-109:2020
56.	Pendimethalin*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-109:2020
57.	Propanil*	<3,33	µg/L	20	TS-KT-SK-109:2020
58.	Simazine*	<0,33	µg/L	2	TS-KT-SK-109:2020
59.	Trifluralin*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
60.	2,4,6 - Triclorophenol*	<0,33	µg/L	200	TS-KT-SK-109:2020
61.	Bromat*	<3	µg/L	10	TS-KT-SK-142:2022

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
62.	Bromodichloromethane *	2,21	µg/L	60	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
63.	Bromoform*	<0,33	µg/L	100	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
64.	Dibromochloromethane *	<0,33	µg/L	100	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
65.	Dichloroacetonitrile*	<0,3	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
66.	Dichloroacetic acid*	<3	µg/L	50	TS-KT-SK-144:2022
67.	Formaldehyde*	<3	µg/L	900	TS-KT-SK-152:2022
68.	Monochloramine*	<0,015	mg/L	3	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)
69.	Monochloroacetic acid*	<3	µg/L	20	TS-KT-SK-144:2022
70.	Trichloroacetic acid*	<3	µg/L	200	TS-KT-SK-144:2022
71.	Trichloroacetonitril*	<0,07	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
72.	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	<0,013	Bq/L	0,1	TS-KT-SK-22:2021 (Ref.EPA Method 8879:2011,ISO 10704:2009)
73.	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	<0,13	Bq/L	1	TS-KT-SK-22:2021 (Ref.EPA Method 8879:2011,ISO 10704:2009)
74.	Coliforms*	0	CFU/100mL	<3	TCVN 6187 - 1: 2019
75.	E.Coli*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

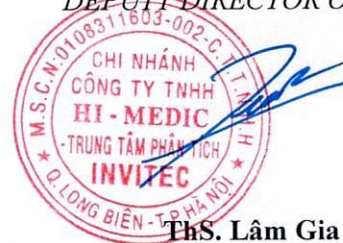
BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

ThS. Lương Thị Thu Hương

KS. Nguyễn Văn Cường ThS. Lương Thị Thu Hương

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DEPUTY DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25010181

Tên khách hàng/Customer's name : Công ty TNHH Cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc
Địa chỉ/Address : xóm Nà Phạ, Thị trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s) : T1-2025-Đ2
Mô tả mẫu/Sample description : Mẫu đựng trong can nhựa PE có nắp vặn. Thể tích 3L; Bảo quản điều kiện thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling : Đ2: Điểm giữa (hệ thống phân phối nước)
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving : 21/01/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler : Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result :

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1.	Clo dư tự do	<0,05	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500-C1:2017
2.	Độ đục*	1,17	NTU	2	TCVN 12402:2020
3.	Độ màu	<3	TCU	15	TCVN 6185C:2015
4.	Mùi; vị*	Không mùi, vị lạ	-	Không mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013
5.	pH*	6,94	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Antimon (Sb)	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3111B:2017
7.	Bari (Ba)	<0,02	mg/L	0,7	SMEWW 3113B: 2017
8.	Bor (tính chung cho cả Borat và Axit boric)*	<0,007	mg/L	0,3	TS-KT-QP-03:2021
9.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
10.	Natri (Na)	2,08	mg/L	200	SMEWW 3111B:2017
11.	Niken (Ni)*	<0,07	mg/L	0,07	SMEWW 3111B:2017
12.	Selen (Se)*	<0,0003	mg/L	0,01	TS-KT-QP-51:2022
13.	Sunfua*	<0,01	mg/L	0,05	EPA 376.2
14.	Thủy ngân (Hg)	<0,0002	mg/L	0,001	SMEWW3112B:2017
15.	Xyanua	<0,02	mg/L	0,05	SMEWW 4500 CN-E.2017
16.	1,1,1 -Trichloroetan*	<0,33	µg/L	2000	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
17.	1,2 - Dichloroetan*	<0,33	µg/L	30	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/ The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
18.	1,2 - Dichloroeten*	<0,67	µg/L	50	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
19.	Carbon tetrachlorua*	<0,07	µg/L	2	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
20.	Dichlorometan*	<3,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
21.	Tetrachloroeten*	<0,33	µg/L	40	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
22.	Trichloroeten*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
23.	Vinyl chlorua*	<0,07	µg/L	0,3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
24.	Benzen*	<0,33	µg/L	10	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
25.	Etylbenzen*	<0,33	µg/L	300	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
26.	Phenol và dẫn xuất phenol*	<0,33	µg/L	1	TS-KT-SK-113:2020
27.	Styren*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
28.	Toluen*	<0,33	µg/L	700	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
29.	Xylen*	<0,33	µg/L	500	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
30.	1,2 - Diclorobenzen*	<0,33	µg/L	1000	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
31.	Monoclorobenzen*	<0,33	µg/L	300	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
32.	Triclorobenzen*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

1161
HI N
IG T
-M
G TÂM
NVI
BIÊN



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
33.	Acrylamide*	<0,1	µg/L	0,5	TS-KT-137:2021
34.	Epiclohydrin*	<0,07	µg/L	0,4	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
35.	Hexacloro butadien*	<0,03	µg/L	0,6	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
36.	1,2 - Dibromo-3- cloropropan*	<0,33	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
37.	1,2 - Dicloropropan*	<0,33	µg/L	40	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
38.	1,3 - Dicloropropen*	<1,67	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
39.	2,4-D*	<3,33	µg/L	30	TS-KT-SK-109:2020
40.	2,4 - DB*	<3,33	µg/L	90	TS-KT-SK-109:2020
41.	Alachlor*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
42.	Aldicarb*	<0,2	µg/L	10	TS-KT-SK-109:2020
43.	Carbofuran*	<0,2	µg/L	5	TS-KT-SK-109:2020
44.	Chlorpyrifos*	<0,07	µg/L	30	TS-KT-SK-15:2020
45.	Clordane*	<0,07	µg/L	0,2	TS-KT-SK-15:2020
46.	Clorotoluron*	<0,33	µg/L	30	TS-KT-SK-109:2020
47.	Cyanazine*	<0,1	µg/L	0,6	TS-KT-SK-137:2020
48.	DDT và các dẫn xuất*	<0,1	µg/L	1	TS-KT-SK-15:2020
49.	Dichlorprop*	<3	µg/L	100	TS-KT-SK-109:2020
50.	Fenoprop*	<0,33	µg/L	9	TS-KT-SK-109:2020
51.	Hydroxyatrazine*	<0,33	µg/L	200	TS-KT-SK-109:2020
52.	Isoproturon*	<0,33	µg/L	9	TS-KT-SK-109:2020
53.	Mecoprop*	<3,33	µg/L	10	TS-KT-SK-109:2020
54.	Methoxychlor*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
55.	Molinate*	<0,33	µg/L	6	TS-KT-SK-109:2020
56.	Pendimethalin*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-109:2020
57.	Propanil*	<3,33	µg/L	20	TS-KT-SK-109:2020
58.	Simazine*	<0,33	µg/L	2	TS-KT-SK-109:2020
59.	Trifluralin*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
60.	2,4,6 - Triclorophenol*	<0,33	µg/L	200	TS-KT-SK-109:2020
61.	Bromat*	<3	µg/L	10	TS-KT-SK-142:2022

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3-002-
HÀNH
/ TNHH
EDIC
PHÂN TÍCH
TEC
-T.P HÀ



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
62.	Bromodichloromethane *	2,21	µg/L	60	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
63.	Bromoform*	<0,33	µg/L	100	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
64.	Dibromochloromethane *	<0,33	µg/L	100	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
65.	Dichloroacetonitrile*	<0,3	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
66.	Dichloroacetic acid*	<3	µg/L	50	TS-KT-SK-144:2022
67.	Formaldehyde*	<3	µg/L	900	TS-KT-SK-152:2022
68.	Monochloramine*	<0,015	mg/L	3	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)
69.	Monochloroacetic acid*	<3	µg/L	20	TS-KT-SK-144:2022
70.	Trichloroacetic acid*	<3	µg/L	200	TS-KT-SK-144:2022
71.	Trichloroacetonitril*	<0,07	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
72.	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	<0,013	Bq/L	0,1	TS-KT-SK-22:2021 (Ref.EPA Method 8879:2011,ISO 10704:2009)
73.	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	<0,13	Bq/L	1	TS-KT-SK-22:2021 (Ref.EPA Method 8879:2011,ISO 10704:2009)
74.	Coliforms*	0	CFU/100mL	<3	TCVN 6187 - 1: 2019
75.	E.Coli*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

ThS. Lương Thị Thu Hương

KS. Nguyễn Văn Cường ThS. Lương Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DEPUTY DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

MT25010182

Tên khách hàng/Customer's name : Công ty TNHH Cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc
Địa chỉ/Address : xóm Nà Phạ, Thị trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s) : T1-2025-Đ3
Mô tả mẫu/Sample description : Mẫu đựng trong can nhựa PE có nắp vặn. Thể tích 3L;
Bảo quản điều kiện thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling : Đ3: điểm cuối ((hệ thống phân phối nước)
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving : 21/01/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler : Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result :

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
1.	Clo dư tự do	<0,05	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500-C1:2017
2.	Độ đục*	2,39	NTU	2	TCVN 12402:2020
3.	Độ màu	<3	TCU	15	TCVN 6185C:2015
4.	Mùi; vị*	Không mùi, vị lạ	-	Không mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013
5.	pH*	6,93	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Antimon (Sb)	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3111B:2017
7.	Bari (Ba)	<0,02	mg/L	0,7	SMEWW 3113B: 2017
8.	Bor (tính chung cho cả Borat và Axit boric)*	<0,007	mg/L	0,3	TS-KT-QP-03:2021
9.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
10.	Natri (Na)	2,08	mg/L	200	SMEWW 3111B:2017
11.	Niken (Ni)*	<0,07	mg/L	0,07	SMEWW 3111B:2017
12.	Selen (Se)*	<0,0003	mg/L	0,01	TS-KT-QP-51:2022
13.	Sunfua*	<0,01	mg/L	0,05	EPA 376.2
14.	Thủy ngân (Hg)	<0,0002	mg/L	0,001	SMEWW3112B:2017
15.	Xyanua	<0,02	mg/L	0,05	SMEWW 4500 CN-.E.2017
16.	1,1,1 -Trichloroetan*	<0,33	µg/L	2000	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
17.	1,2 - Dichloroetan*	<0,33	µg/L	30	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
18.	1,2 - Dichloroeten*	<0,67	µg/L	50	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
19.	Carbon tetrachlorua*	<0,07	µg/L	2	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
20.	Dichlorometan*	<3,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
21.	Tetrachloroeten*	<0,33	µg/L	40	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
22.	Trichloroeten*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
23.	Vinyl chlorua*	<0,07	µg/L	0,3	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
24.	Benzen*	<0,33	µg/L	10	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
25.	Etylbenzen*	<0,33	µg/L	300	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
26.	Phenol và dẫn xuất phenol*	<0,33	µg/L	1	TS-KT-SK-113:2020
27.	Styren*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
28.	Toluen*	<0,33	µg/L	700	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
29.	Xylen*	<0,33	µg/L	500	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
30.	1,2 - Diclorobenzen*	<0,33	µg/L	1000	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
31.	Monoclorobenzen*	<0,33	µg/L	300	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
32.	Triclorobenzen*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)

108311
CHI
CÔNG
HI -
TRUNG T
IN'
ÔNG BI

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
33.	Acrylamide*	<0,1	µg/L	0,5	TS-KT-137:2021
34.	Epiclohydrin*	<0,07	µg/L	0,4	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
35.	Hexacloro butadien*	<0,03	µg/L	0,6	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
36.	1,2 - Dibromo-3- cloropropan*	<0,33	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
37.	1,2 - Dicloropropan*	<0,33	µg/L	40	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
38.	1,3 - Dicloropropen*	<1,67	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
39.	2,4-D*	<3,33	µg/L	30	TS-KT-SK-109:2020
40.	2,4 - DB*	<3,33	µg/L	90	TS-KT-SK-109:2020
41.	Alachlor*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
42.	Aldicarb*	<0,2	µg/L	10	TS-KT-SK-109:2020
43.	Carbofuran*	<0,2	µg/L	5	TS-KT-SK-109:2020
44.	Chlorpyrifos*	<0,07	µg/L	30	TS-KT-SK-15:2020
45.	Clordane*	<0,07	µg/L	0,2	TS-KT-SK-15:2020
46.	Clorotoluron*	<0,33	µg/L	30	TS-KT-SK-109:2020
47.	Cyanazine*	<0,1	µg/L	0,6	TS-KT-SK-137:2020
48.	DDT và các dẫn xuất*	<0,1	µg/L	1	TS-KT-SK-15:2020
49.	Dichlorprop*	<3	µg/L	100	TS-KT-SK-109:2020
50.	Fenoprop*	<0,33	µg/L	9	TS-KT-SK-109:2020
51.	Hydroxyatrazine*	<0,33	µg/L	200	TS-KT-SK-109:2020
52.	Isoproturon*	<0,33	µg/L	9	TS-KT-SK-109:2020
53.	Mecoprop*	<3,33	µg/L	10	TS-KT-SK-109:2020
54.	Methoxychlor*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
55.	Molinate*	<0,33	µg/L	6	TS-KT-SK-109:2020
56.	Pendimethalin*	<0,33	µg/L	20	TS-KT-SK-109:2020
57.	Propanil*	<3,33	µg/L	20	TS-KT-SK-109:2020
58.	Simazine*	<0,33	µg/L	2	TS-KT-SK-109:2020
59.	Trifluralin*	<0,07	µg/L	20	TS-KT-SK-15:2020
60.	2,4,6 - Triclorophenol*	<0,33	µg/L	200	TS-KT-SK-109:2020
61.	Bromat*	<3	µg/L	10	TS-KT-SK-142:2022

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Regular limit	Phương pháp thử Test method
62.	Bromodichloromethane *	2,21	µg/L	60	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
63.	Bromoform*	<0,33	µg/L	100	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
64.	Dibromochloromethane *	<0,33	µg/L	100	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
65.	Dichloroacetonitrile*	<0,3	µg/L	20	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
66.	Dichloroacetic acid*	<3	µg/L	50	TS-KT-SK-144:2022
67.	Formaldehyde*	<3	µg/L	900	TS-KT-SK-152:2022
68.	Monochloramine*	<0,015	mg/L	3	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)
69.	Monochloroacetic acid*	<3	µg/L	20	TS-KT-SK-144:2022
70.	Trichloroacetic acid*	<3	µg/L	200	TS-KT-SK-144:2022
71.	Trichloroacetonitril*	<0,07	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2022 (Ref.EPA Method 5021,ISO 20595:2018)
72.	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	<0,013	Bq/L	0,1	TS-KT-SK-22:2021 (Ref.EPA Method 8879:2011,ISO 10704:2009)
73.	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	<0,13	Bq/L	1	TS-KT-SK-22:2021 (Ref.EPA Method 8879:2011,ISO 10704:2009)
74.	Coliforms*	0	CFU/100mL	<3	TCVN 6187 - 1: 2019
75.	<i>E.Coli</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

KS. Nguyễn Văn Cường ThS. Lương Thị Thu Hương

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DEPUTY DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được công nhận theo ISO 17025:2017/The tests accredited by ISO 17025:2017
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4800894843

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 03 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 25 tháng 10 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CẤP THOÁT NƯỚC THỊ TRẦN BẢO LẠC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

xóm Nà Pha, Thị Trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam

Điện thoại: 0974608118

Fax:

Email: vietbac74cb@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 12.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
I	NÔNG DẶNG VIỆT BẮC	Việt Nam	Số nhà 067, tổ 14, Phường Sóng Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	5.000.000.000	41,667	004074005576	Ông: Nông Đặng Việt Bắc nhận chuyển nhượng từ Bà: Bê Thị Kiều Nga và Ông: Trương Minh Sơ

2	LỤC SƠN HÀ	Việt Nam	Tổ dân phố 1, Thị Trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	3.000.000.000	25,000	004066005 613	
3	NÔNG THỊ NGÀ	Việt Nam	Tổ dân phố 7, Thị Trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	2.000.000.000	16,667	004161003 260	
4	BÈ THỊ VƯỜN	Việt Nam	Tổ dân phố 2, Thị Trấn Bảo Lạc, Huyện Bảo Lạc, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	2.000.000.000	16,667	004184004 895	Bà: Bè Thị Vườn nhận chuyển nhượng từ Ông: Linh Trần Tiến

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **NÔNG ĐẶNG VIỆT BẮC**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *08/09/1974*

Dân tộc: *Tày*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *004074005576*

Ngày cấp: *10/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 067, tổ 14, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh
Cao Bằng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 067, tổ 14, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh
Cao Bằng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Ngân Văn Hiến